

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 8 - 2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Rực**.

2. Ông **Lương Hồng Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hiệp Văn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Ngọc Bích** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị Tuyết N**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Thạch Minh Q**, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Số D, ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị Tuyết N trình bày:**

Vào năm 2014, bà Cao Thị Tuyết N cùng ông Thạch Minh Q tổ chức lễ cưới. Sau đó tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014, quyển số 01/2014 ngày 07/5/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một người con chung tên Thạch Thị Thúy V sinh ngày 08/5/2015 hiện đang do bà Cao Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến năm 2019, vợ chồng bà Cao Thị Tuyết N ông Thạch Minh Q phát sinh mâu thuẫn. Do không giải quyết được nên đến năm 2020 thì sống ly thân cho đến

nay. Bà Cao Thị Tuyết N xác định vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay Bà Cao Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Cao Thị Tuyết N yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Minh Q.

- Về con chung: Bà Cao Thị Tuyết N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thị Thúy V sinh ngày 08/5/2015 đến khi thành niên và không yêu cầu Thạch Minh Q phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Cao Thị Tuyết N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Cao Thị Tuyết N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Cao Thị Tuyết N đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Chứng minh nhân dân mang tên Cao Thị Tuyết N (bản sao chứng thực);
- + Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Cao T (bản sao chứng thực);
- + Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014, quyền số 01/2014 ngày 07/5/2014;
- + Bản sao Giấy khai sinh mang tên Thạch Thị Thúy V;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Thạch Minh Q. Nhưng ông Thạch Minh Q thường xuyên không có mặt tại nhà và được bà Thạch Thị Đa R là mẹ ruột, ngụ cùng địa chỉ nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Thạch Minh Q không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 01/7/2022, bà Cao Thị Tuyết N có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

Trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Cao Thị Tuyết N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Thạch Minh Q và không thể có mặt được vì đang bận công việc. Bên cạnh đó, giữa bà và bị đơn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Cao Thị Tuyết N vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn ông Thạch Minh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Cao Thị Tuyết N và ông Thạch Minh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Cao Thị Tuyết N cho vợ chồng bà Cao Thị Tuyết N ông Thạch Minh Q ly hôn. Về con chung giao cho bà Cao Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng và ông Thạch Minh Q không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Cao Thị Tuyết N xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Cao Thị Tuyết N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/3/2022, bà Cao Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thạch Minh Q có nơi cư trú tại Số D, ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Cao Thị Tuyết N vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Thạch Minh Q vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Cao Thị Tuyết N về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, bà Cao Thị Tuyết N cùng ông Thạch Minh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tiến hành thủ tục đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014, quyền số 01/2014, ngày 07/5/2014. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị Tuyết N và ông Thạch Minh Q là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Cao Thị Tuyết N: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì ông Thạch Minh Q đã bỏ về sống bên gia đình của cha mẹ ruột tại số 017, tổ 07 ấp Kinh Ngang, xã G, huyện H, tỉnh Sóc Trăng. Từ đó vợ chồng bà Cao Thị Tuyết N ông Thạch Minh Q đã sống ly thân. Ông Thạch Minh Q không còn quan tâm đến vợ con cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Thạch Minh Q nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Thạch Minh Q không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định

tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Cao Thị Tuyết N đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân do ông Thạch Minh Q bỏ về sống bên gia đình tại ấp Kinh Ngang, xã Long Phú từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Cao Thị Tuyết N ông Thạch Minh Q hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Thạch Minh Q đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc cho ông Thạch Minh Q không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Cao Thị Tuyết N. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Tuyết N cho bà Cao Thị Tuyết N được ly hôn với cho ông Thạch Minh Q.

[3.5] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định “Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật”. Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã B cấp ngày 07/5/2014 của bà Cao Thị Tuyết N và ông Thạch Minh Q sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.6] Về con chung: Bà Cao Thị Tuyết N xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Cao Thị Tuyết N và ông Thạch Minh Q có một người con chung tên Thạch Thị Thúy V, sinh ngày 08/5/2015. Hiện nay con chung do bà Cao Thị Tuyết N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Thạch Thị Thúy V, sinh ngày 08/5/2015 thể hiện là con chung của bà Cao Thị Tuyết N, ông Thạch Minh Q.

[3.7] Xét ý kiến của bà Cao Thị Tuyết N về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thị Thúy V, sinh ngày 08/5/2015 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay con chung Thạch Thị Thúy V, sinh ngày 08/5/2015 đang được bà Cao Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến nay. Ông Thạch Minh Q cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Thạch Thị Thúy V, sinh ngày 08/5/2015 cho bà Cao Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Cao Thị Tuyết N xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 11.000.000 đồng nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần ông Thạch Minh Q phải cấp dưỡng cho con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.9] Bên cạnh đó ông Thạch Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Cao Thị Tuyết N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Cao Thị Tuyết N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Cao Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Cao Thị Tuyết N, ông Thạch Minh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Tuyết N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Tuyết N được ly hôn với ông Thạch Minh Q. Quan hệ hôn nhân giữa bà Cao Thị Tuyết N ông Thạch Minh Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã B cấp ngày 07/5/2014 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Thạch Thị Thúy V, sinh ngày 08/5/2015 (hiện nay con chung đang sống chung với bà Cao Thị Tuyết N) cho bà Cao Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Thạch Minh Q không phải cấp dưỡng cho con. Ông Thạch Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Cao Thị Tuyết N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Thạch Minh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Cao Thị Tuyết N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Cao Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003389, ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Cao Thị Tuyết N đã thực hiện xong). Ông Thạch Minh Q không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Cao Thị Tuyết N và ông Thạch Minh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc